Phụ lục 09

Nội dung cơ bản của Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng

(Kèm theo văn bản số: 559/TCLN-PCTT ngày 25/4/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp)

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT quy định phương pháp định giá; khung giá rừng (sau đây viết chung là Thông tư 32/2018/TT-BNNPTNT), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được ban hành ngày 15/11/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, tại Khoản 3 Điều 90 quy định: "*3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân".*

- Trong những năm qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, ngành ban hành hai Thông tư Liên tịch hướng dẫn về định giá rừng; khi Thông tư mới ban hành, các Thông tư này sẽ hết hiệu lực thi hành cụ thể:

- Thông tư liên tịch số 65/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 26/5/2008 của Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP ngày 28/3/2007 của Chính phủ về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng;

- Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015 của Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá trị rừng trồng, vườn cây để sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thực tiễn hiện nay cho thấy, việc định giá của rừng còn một số vướng mắc, tồn tại:

- Giá trị của rừng chưa được lượng giá đầy đủ, vai trò và đóng góp của rừng đối với sản xuất và đời sống còn rất hạn chế, chưa đủ sức thuyết phục các cấp, ngành để có sự đầu tư thỏa đáng;

- Quy định về phương pháp định giá rừng trong thực tế các địa phương còn khó áp dụng, nhiều địa phương chưa ban hành được giá các loại rừng; chưa tính toán đầy đủ các yếu tố cấu thành nên giá rừng, mới chỉ định giá được giá trị

trực tiếp (gỗ và lâm sản ngoài gỗ), chưa định giá được giá trị gián tiếp (giá trị môi trường) của rừng. Nếu chỉ quy định về nguyên tắc và phương pháp chung để xác định giá các loại rừng thì việc vận dụng vào thực tế rất khó khăn hoặc không áp dụng được vì trên thực tế có nhiều loại giao dịch về rừng.

Mặt khác, gần đây, Luật giá, Luật Đấu thầu và một số luật khác có liên quan mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là Luật Lâm nghiệp, nên quy định về định giá rừng không còn phù hợp.

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên và triển khai thực hiện quy định tại Điều 90 Luật Lâm nghiệp, việc trình ban hành Thông tư Quy định phương pháp định giá; khung giá rừng là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích

Triển khai thực hiện xây dựng Thông tư quy định phương pháp định giá; khung giá rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 90 của Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và khắc phục một số vướng mắc, tồn tại trong việc định giá tại các văn bản quy định trước.

2. Quan điểm xây dựng Thông tư

a) Cụ thể hóa các Điều 90, Điều 91 của Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

b) Kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định số 48/2007/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 65/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 26/5/2008 của Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC và có điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu thực tế.

c) Bám sát các quy định hiện hành của pháp luật và xác định đầy đủ giá trị của rừng bao gồm cả giá trị trực tiếp và giá trị gián tiếp, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Bố cục

Thông tư có bố cục gồm 03 chương, 17 Điều, nội dung cụ thể như sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG (02 điều): Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); đối tượng áp dụng (Điều 2).

Chương II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Phương pháp định giá rừng tự nhiên

Điều 3. Giá rừng tự nhiên

Điều 4. Định giá cây đứng

Điều 5. Định giá quyền sử dụng rừng

Mục 2. Phương pháp định giá rừng trồng

Điều 6. Giá rừng trồng

Điều 7. Xác định tổng chi phí đầu tư

Điều 8. Xác định thu nhập dự kiến

Điều 9. Trình tự định giá rừng trồng

Mục 3. Định giá rừng

Điều 10. Nguyên tắc định giá rừng

Điều 11. Định giá rừng tự nhiên

Điều 12. Định giá rừng trồng

Mục 4. Khung giá rừng

Điều 13. Nguyên tắc và thẩm quyền ban hành khung giá rừng

Điều 14. Cách xác định khung giá rừng

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Tổng cục Lâm nghiệp

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Điều 17. Điều khoản thi hành

Phần phụ lục: có 03 Phụ lục nêu ví dụ hướng dẫn cách tính giá rừng, cụ thể:

Phụ lục I: Ví dụ về cách tính giá cây đứng đối với rừng tự nhiên;

Phụ lục II: Ví dụ về tính giá quyền sử dụng rừng tự nhiên;

Phụ lục III: Ví dụ về tính giá rừng trồng.

Trên đây là các nội dung cơ bản của Thông tư quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phương pháp định giá áp dụng cho các loại rừng nêu trên thuộc sở hữu toàn dân.

- Áp dụng cho các đối tượng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) có hoạt động liên quan đến định giá rừng

2. Phương pháp định giá rừng

Quy định phương pháp định giá rừng cho từng loại rừng và công thức tính cho từng loại rừng:

- **Rừng tự nhiên:** Giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên (*Gtn*) được tính bằng tiền cho 01 ha (đồng/ha), bao gồm giá cây

đứng (*Gcđ*) và giá quyền sử dụng rừng (*Gsd*); hướng dẫn cách xác định *Gcđ* và *Gsd*.

- Rừng Trồng: Giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng được tính bằng tiền (đồng/ha) cho 01 ha rừng trồng mà chủ rừng được hưởng từ rừng trong thời gian được giao rừng, cho thuê rừng.

Giá rừng trồng (G_{rt}) bao gồm tổng chi phí đã đầu tư tạo rừng (CP_{rt}) và thu nhập dự kiến (TN_{rt}) đối với rừng trồng tại thời điểm định giá; hướng dẫn cách xác định CP_{rt} và TN_{rt}..

3. Định giá rừng trong các trường hợp

Quy định cách định giá rừng tự nhiên, định giá rừng trồng trong từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Điều 91 của Luật Lâm nghiệp:

1. Trường hợp Nhà nước giao rừng, tổ chức đấu giá quyền sử dụng rừng, cho thuê rừng; tính giá trị rừng khi thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Trường hợp Nhà nước thu hồi rừng, thanh lý rừng; xác định giá trị vốn góp; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước.

3. Trường hợp xác định giá trị phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng; thiệt hại do thiên tai, cháy rừng và các thiệt hại khác đối với rừng; xác định giá trị rừng phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan tới rừng.

4. về điều khoản thi hành

- Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019;

- Bãi bỏ Thông tư Liên tịch số 65/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 26/5/2008 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP ngày 28/3/2007 của Chính phủ về nguyên tắc và phương pháp xác định giá các loại rừng; Điều 5, Điều 6, Điều 7 và các nội dung quy định về định giá rừng trồng tại Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp xác định giá trị rừng trồng, vườn cây để sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp.

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP